
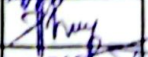



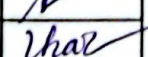
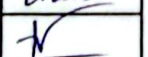

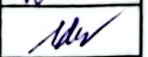
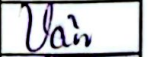
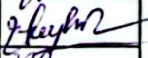





ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG HỒNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỜI SỐ
NĂM HỌC 2025 - 2026

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Thị Tiên	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Thị Bích Thủy	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Trần Thị Thơi	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Dương Thị Nhâm	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
5	Trần Thị Thu Hương	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
6	Đông Thị Huyền	Giáo viên - TTCM 4-5 tuổi	Thư ký Hội đồng	
7	Trần Thị Thanh Hải	Giáo viên - TTCM 5-6 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
8	Phạm Thị Thu	Giáo viên - TPCM 3-4 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
9	Ngô Thị Huyền	Giáo viên - TPCM Nhà trẻ+DD	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Duyên	Giáo viên - TPCM 5-6 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo viên - TTCM Nhà trẻ	Ủy viên Hội đồng	
12	Phùng Thị Thúy Quỳnh	Giáo viên - TTCM 5-6 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
13	Phan Thị Nghiên	Giáo viên - TPCM 3-4 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
14	Đỗ Thị Minh Châu	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	
15	Trần Thị Chi	Giáo viên- Bí thư đoàn	Ủy viên Hội đồng	

NAM ĐỊNH - NĂM 2026

MỤC LỤC

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	6
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	6
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	7
I. Tiêu chí 1:	7
1. Mô tả hiện trạng	7
2. Điểm mạnh	8
3. Điểm yếu	8
4. Kế hoạch cải tiến	8
5. Kết luận về tiêu chí	8
II. Tiêu chí 2	8
1. Mô tả hiện trạng	8
2. Điểm mạnh	10
3. Điểm yếu	11
4. Kế hoạch cải tiến	11
5. Kết luận về tiêu chí	11
III. Tiêu chí 3	12
1. Mô tả hiện trạng	12
2. Điểm mạnh	12
3. Điểm yếu	12
4. Kế hoạch cải tiến	12
5. Kết luận về tiêu chí	12
IV. Tiêu chí 4	13
1. Mô tả hiện trạng	13
2. Điểm mạnh	13
3. Điểm yếu	13
4. Kế hoạch cải tiến	13
5. Kết luận về tiêu chí	13
V. Tiêu chí 5	13

1. Mô tả hiện trạng	14
2. Điểm mạnh	14
3. Điểm yếu	14
4. Kế hoạch cải tiến.....	14
5. Kết luận về tiêu chí.....	14
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG.....	14
Phần IV. PHỤ LỤC	16
Danh mục mã minh chứng.....	16

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt) 1.1.

Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Tiêu chí 1			x
Tiêu chí 2			x
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4			x
Tiêu chí 5			x

Kết quả: Đạt Mức độ 3

2. Kết luận: Đạt mức độ 3

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Tỉnh Ninh Bình

Xã / phường/thị trấn: Phường Nam Định

Điện thoại: 0903206332

Email: tranthitien11011969@gmail.com

Website: <http://mnphuonghong.ninhbinh.edu.vn>.

Đạt mức độ chuyển đổi số:

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Tổng số học sinh: 355 trẻ

- Cán bộ quản lý: 05 (Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 04)

- Giáo viên: 32 giáo viên

- Nhân viên: 10 gồm 02 nhân viên kế toán, 03 nhân viên bảo vệ, 04 nhân viên nấu ăn, 1 nhân viên lao công.

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- 100% cán bộ, giáo viên có chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

- Hệ thống kết nối Internet gồm 02 modem tổng đảm bảo tốc độ thu phát sóng wifi trong khuôn viên 2 cơ sở

- Hệ thống máy tính, thiết bị văn phòng: cơ sở 1 có 5 máy tính ; 04 máy in canon 2900; 1 máy in có scan. Cơ sở 2 có 3 máy tính, 3 máy in

- Hệ thống các trang web, cổng thông tin điện tử, phần mềm.

4. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Sở GD-ĐT Tỉnh Ninh bình, Đảng ủy - UBND Phường Nam Định. Đặc biệt nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của tổ giáo dục Phòng văn hóa- xã hội cùng với sự phối kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện hội phụ huynh học sinh.

Sau khi trường mầm non Phượng Hồng sáp nhập cùng trường mầm non Số 1 lấy tên là trường mầm non Phượng Hồng theo quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 trường có 2 cơ sở (cơ sở 1 có diện tích 2587m², cơ sở 2 có diện tích 203,9 m²) tổng số CB-GV-NV là 47 người (CBQL: 5, GV: 32, NV:10).

Hiện nay trường MN Phượng Hồng có 14 nhóm, lớp khang trang với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Trường có 47 cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tận tâm tận tụy với nghề, yêu nghề, mến trẻ. Trường có tổ chức Chi bộ Đảng gồm 30 đảng viên, Chi bộ liên tục đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh, và giữ vai trò nòng cốt của nhà trường, Đoàn thanh niên CSHCM, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu thi đua Tập thể lao động tiên tiến, Chi bộ Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Mục đích tự đánh giá(TĐG)

Thực hiện Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (CĐS) cơ sở giáo dục mầm non, trường mầm non Phượng Hồng đã xác định rõ mục đích của công tác chuyển đổi số:

a. Xác định thực trạng chuyển đổi số

- Đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, quản lý và tương tác với phụ huynh.

- Nhận diện những điểm mạnh và hạn chế trong quá trình chuyển đổi số.

b. Xây dựng kế hoạch phát triển

- Định hướng chiến lược và đề xuất giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ.

- Lập kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị, phần mềm phục vụ công tác dạy và học, quản trị nhà trường.

c. Nâng cao chất lượng giáo dục

- Tối ưu hóa phương pháp giảng dạy thông qua công nghệ, giúp trẻ tiếp cận kiến thức sinh động hơn.

- Hỗ trợ giáo viên trong việc soạn giáo án, tổ chức hoạt động và đánh giá trẻ hiệu quả hơn.

d. Cải thiện quản lý và kết nối với phụ huynh

- Ứng dụng công nghệ để quản lý học sinh, lịch học, sức khỏe và dinh dưỡng.

- Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh thông qua các nền tảng số.

e. Đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Bảo đảm thực hiện các chính sách về chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

- Tuân thủ lộ trình và các tiêu chí đánh giá chuyển đổi số do cơ quan quản lý ban hành.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

* Thành lập Hội đồng tự đánh giá

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG.

* Lập kế hoạch tự đánh giá

Hội đồng TĐG xây dựng Kế hoạch TĐG và có các nội dung theo quy định. Chủ tịch Hội đồng phê duyệt kế hoạch TĐG. Kế hoạch TĐG phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng TĐG, nhóm thư ký, các nhóm công tác và từng cá nhân.

* Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng

* Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí

* Viết báo cáo tự đánh giá

* Công bố báo cáo tự đánh giá và kết quả tự đánh giá

* Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Tiêu chí 1:

Nội dung tiêu chí: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục mầm non

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị nhà trường trong kế hoạch năm học và đăng tải công khai trên trang website: <http://mnpuonghong.ninhbinh.edu.vn>.

Nhà trường cũng đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá mức độ chuyển đổi số để nhằm kiểm tra tình hình thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của đơn vị xem đã đạt đến mức độ nào từ đó có những định hướng

cho nhà trường và hỗ trợ giáo viên thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số từ những năm học tiếp theo.

- Kế hoạch số 61/KH-MNPH ngày 11/9/2025 thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 – 2026 (có lồng ghép ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số)

- Kế hoạch số 14 /KH-MNPH ngày 13/03/2026 ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025 – 2026 (bổ sung sau sáp nhập)

- Kế hoạch số 14D/KH-MNPH ngày 13/3/2016 , kế hoạch tự đánh giá chuyển đổi số năm học 2025 - 2026. [H1-01]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã lồng ghép kế hoạch chuyển đổi số trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch tự đánh giá chuyển đổi số theo quy định, sát với thực tế. Kế hoạch đã chỉ ra được nhiệm vụ, giải pháp tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số nhà trường năm học 2025-2026 và định hướng đến năm 2030”;

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo và ứng dụng CNTT để tổ chức có hiệu quả các hình thức tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; góp phần duy trì các hoạt động của nhà trường trong năm học 2025 - 2026.

- Kế hoạch có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng đối với các thành viên gắn với nhiệm vụ chuyên môn.

- Kế hoạch đã được triển khai và phổ biến tới 100% CB, GV, NV và phụ huynh học sinh trong toàn trường và nhận được sự đồng thuận, phối hợp triển khai có hiệu quả.

3. Điểm yếu: không

4. Kế hoạch cải tiến

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
1	Có thực hiện
Tổng điểm	

Tiêu chí 1: Đã thực hiện.

II. Tiêu chí 2

Nội dung tiêu chí: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

- Quản lý thông tin trẻ em: Có triển khai sử dụng phần mềm Quản lý nhà trường VtSmas4.0, và đáp ứng các yêu cầu về thông tin trẻ em của ngành Giáo dục. [H2-01]

- Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em: Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục: theo dõi cân nặng chiều cao của trẻ qua phần mềm VtSmas4.0.[H2-01]

- Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên của ngành Giáo dục qua phần mềm quản lý Công chức, viên chức <https://ccvcnamdinh.vnerp.vn/> [H2-02]

- Quản lý thông tin y tế trường học: Đã triển khai sử dụng phần mềm Quản lý nhà trường Smas.4.0vn/ [H2-01] và đáp ứng yêu cầu về thông tin y tế trường học của ngành Giáo dục.

- Quản lý thông tin phổ cập giáo dục: Đã triển khai sử dụng Hệ thống thông tin phổ cập giáo dục - xóa mù chữ <https://pcgd.moet.gov.vn/>[H2-03] đáp ứng các yêu cầu về thông tin phổ cập giáo dục của ngành Giáo dục.

- Quản lý thông tin tài sản, tài chính: Nhà trường đã triển khai sử dụng phần mềm <https://qltsapp.misa.vn/> để quản lý thông tin tài sản, tài chính và đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính với mức phí là 9.000.000. đồng/năm (trong đó quản lý tài chính misa với mức phí 6.000.000 đồng/ năm là và quản lý tài sản với mức phí 3.000.000 đồng/ năm) [H2-04].

- Quản lý văn bản điện tử: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử trên hệ thống <https://vpdntd.vnptioffice.vn/> với mức phí là 756.000 đồng/năm.[H2-05].

- Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ: chưa triển khai mua phần mềm, còn thực hiện trên Excel và có thông báo với phụ huynh học sinh về thực đơn theo mùa và đăng tải trên Website của nhà trường, qua zalo của nhóm lớp, bảng tuyên truyền hàng ngày của lớp và của nhà trường [H2-06]

- Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ: Giáo viên đã sử dụng một số ứng dụng như canva, Powerpoint, chat PT, capcut, photoshop, heyzine, capilot, gama apps.... để xây dựng hình ảnh, video, bài giảng, sách điện tử, cắt ghép, chỉnh hình ảnh,... phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ nhưng tần suất chưa cao. Điều là sử dụng các phần mềm miễn phí. [H2-07]

- Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường: Đã thực hiện tiếp nhận thông tin phản hồi của cha mẹ trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ qua hệ thống nhóm zalo của các nhóm/lớp [H2-08]. Tỷ lệ cha mẹ trẻ tham gia các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường còn ít.

- Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng: Đã thực hiện tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa

học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng qua cổng thông tin điện tử của nhà trường website: <http://mnpuonghong.ninhbinh.edu.vn> [H2-09] nhóm zalo của các nhóm/lớp (miễn phí), qua hệ thống bảng tuyên truyền của lớp, của trường [H2-08].

- Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục: Nhà trường đã thực hiện kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục <https://csdl.moet.gov.vn> [H2-10] qua hệ thống quản lý nhà trường <https://smas4.0.vn/> [H2-01] và <https://dongbo.csdl.edu.vn/> [H2-11]

- Nhà trường đã thực hiện sử dụng phần mềm bảo hiểm xã hội, chữ ký số trong công tác quản lý. [H2-12]

- Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Đã ban hành Quy chế quản lý, khai thác đối với các hệ thống, phần mềm, trang thiết bị trong nhà trường theo Quyết định số 14B/QĐ-MNPH ngày 13 tháng 03 năm 2026 [H2-13].

2. Điểm mạnh

- Đã sử dụng, khai thác đầy đủ các phần mềm hỗ trợ hoạt động của nhà trường theo định hướng chung của ngành. Có sự linh hoạt xây dựng phương án thay thế khi phần mềm dùng chung dùng hoạt động và vẫn đảm bảo theo dõi được đầy đủ thông tin.

- Các phần mềm mất phí đều có hợp đồng rõ ràng, ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên và đảm bảo bảo mật thông tin.

- Tất cả các phần mềm này đều hoạt động có hiệu quả, phát huy tính năng và có chức năng liên thông với cấp trên quản lí.

- Các phần mềm giúp cho việc cập nhật thông tin, tổng hợp, báo cáo chính xác nhanh gọn.

- Các phần mềm ứng dụng miễn phí để hỗ trợ, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục giúp CBQL, GV tra cứu các học liệu, làm các bài giảng điện tử hay, sách điện tử đỡ tốn công sức làm đồ dùng đồ chơi và còn tuyên truyền, phối kết hợp với phụ huynh dạy trẻ tại gia đình có hiệu quả.

- Đã sử dụng tiện ích excell, google trang tính để làm hồ sơ nuôi bán trú như tính ăn, tính khẩu phần ăn, các loại sổ theo qui định đảm bảo chính xác, khoa học.

- Hàng tháng đăng tải công khai thực đơn trên website của nhà trường và tại bảng tuyên truyền của các lớp.

- Nhà trường đã sử dụng tiện ích excel, google trang tính để thực hiện các hoạt động quản lý trong nhà trường như hồ sơ sổ sách chuyên môn... triển khai các nội dung trong công việc.

- Nhà trường đã xây dựng quy chế quản lý, khai thác đối với các hệ thống, phần mềm, trang thiết bị trong nhà trường đảm bảo đúng người đúng việc, phù hợp với năng lực của CBQL, GV, NV. [H2-13]

3. Điểm yếu

- Chưa triển khai mua phần mềm tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày, việc tính toán trên Excel và trang tính goole đòi hỏi nhiều thời gian tạo mẫu biểu, đặt hàm, công thức tính toán phức tạp.

- Thiếu nhân viên y tế học đường.

- Giáo viên ứng dụng CNTT phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ với tần suất chưa nhiều, chất lượng chưa cao.

- Khi sử dụng các phần mềm miễn phí trong hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ chất lượng chưa cao mà phải sử dụng các phần mềm mất phí thì chất lượng hình ảnh mới đẹp và hiệu quả cao hơn.

4. Kế hoạch cải tiến

- Đưa vào kế hoạch nội dung mua phần mềm, tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ, mua thêm các phần mềm tiện ích như: hồ sơ sổ sách điện tử, kiểm định chất lượng giáo dục..... trong năm học tiếp theo.

- Tập huấn hướng dẫn, khích lệ giáo viên tích cực ứng dụng CNTT phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ với tần suất cao hơn, khuyến khích mua thêm một số phần mềm để sử dụng có hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục.

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
Chỉ số 1	5
Chỉ số 2	5
Chỉ số 3	5
Chỉ số 4	5
Chỉ số 5	5
Chỉ số 6	3
Chỉ số 7	3
Chỉ số 8	5
Chỉ số 9	6
Chỉ số 10	7
Chỉ số 11	2,5
Chỉ số 12	5,5
Chỉ số 13	Có thực hiện

Tổng điểm	57
-----------	----

Tiêu chí 2: Đạt Mức độ 3

III. Tiêu chí 3

Nội dung tiêu chí: Triển khai dịch vụ trực tuyến:

1. Mô tả hiện trạng

- Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến: nhà trường chưa thực hiện hiện tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến, mà nhà trường đang thực hiện thực hiện tuyển sinh trực tiếp và có mới đăng tải công khai tuyển sinh trên Cổng thông tin điện tử của nhà trường: <http://mnphuonghong.ninhbinh.edu.vn> và thông báo tuyển sinh tại khu vực cổng trường và qua hệ thống bảng tuyên truyền của lớp, của nhà trường [H3-01]

- Dịch vụ kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng web/thiết bị thông minh mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá: Nhà trường đã thực hiện kết nối qua nhóm zalo của các nhóm/lớp[H2-09], đảm bảo đầy đủ thông tin thông báo, cha mẹ trẻ có thể xin nghỉ học, phản hồi lại thông tin với giáo viên, giáo viên có thể gửi file đánh giá cho cha mẹ trẻ.

- Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt: Nhà trường đã có tài khoản riêng và đã triển khai thực hiện các hoạt động giao dịch qua tài khoản ngân hàng và thực hiện các khoản thu không dùng tiền mặt mà thu thông qua TK ngân hàng Vietinbank [H3-02].

2. Điểm mạnh:

- Dịch vụ kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng web/thiết bị thông minh mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: Nhà trường đã thực hiện kết nối qua nhóm zalo của các nhóm/lớp

3. Điểm yếu

- Nhà trường chưa thực hiện hiện tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến

4. Kế hoạch cải tiến

- Cần có kế hoạch mua phần mềm dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến.

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
Chỉ số 1	0
Chỉ số 2	4
Chỉ số 3	4
Tổng điểm	8

Tiêu chí 3 đạt mức độ 2

IV. Tiêu chí 4

Nội dung tiêu chí: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:

1. Mô tả hiện trạng

- Trong năm học vừa qua nhà trường đã cử cán bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn ứng dụng CNTT và CDS do Sở giáo dục- Đào tạo Ninh Bình tổ chức và nhà trường cũng đã triển khai tới 100% Cán bộ giáo viên, nhân viên trong toàn trường cùng tham gia.

- Giáo viên đã sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đạt tỉ lệ 80-100%. [H4-01]

- Tỉ lệ giáo viên hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số (ứng dụng Google meet, Zoom) đạt tỉ lệ 60-80% .[H4-02]

2. Điểm mạnh

- Giáo viên tích cực tham gia các lớp tập huấn, tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

- Việc tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên thông qua nền tảng số còn thực hiện trên ứng dụng miễn phí Google meet, Zoom nên thời lượng bị giới hạn, phải đăng nhập nhiều lần/buổi học.

- Việc tập huấn, bồi dưỡng nâng cao ứng dụng công nghệ AI vào trong công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ cho giáo viên.

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
Chỉ số 1	10
Chỉ số 2	8
Tổng điểm	18

Tiêu chí 4 đạt mức độ 3

V. Tiêu chí 5

Nội dung tiêu chí: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

- Các lớp học đều có thiết bị tivi, máy tính, thiết bị phụ trợ khác (dây HDMI, loa, USB...) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet. [H5-01]. Nhà trường có đường truyền internet ổn định, có hợp đồng với nhà mạng Viettel. [H5-02]

- Cơ sở 1 có 6 máy tính kết nối Internet, 04 máy in, có 11 tivi, 2 máy chiếu phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của nhà trường. cơ sở 2 có 3 máy tính, 3 máy in [H5-03]

- Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các trang thiết bị nghe nhìn cho các lớp và các phòng ban.

2. Điểm mạnh

- Các thiết bị được kết nối Internet đảm bảo tốc độ đường truyền, phục vụ tốt cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

3. Điểm yếu

- Chưa có đủ trang thiết bị hiện đại cho trẻ sử dụng như bảng tương tác, kismats.

4. Kế hoạch cải tiến

- Bổ sung thêm các trang thiết bị hiện đại cho cô và trẻ hoạt động.

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
Chỉ số 1	4
Chỉ số 2	4
Tổng điểm	8

Tiêu chí 5 đạt mức độ 3

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Tiêu chí 1 là điều kiện bắt buộc không có mức độ tính điểm
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức độ 1: 0 tiêu chí, tỉ lệ 0%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức độ 2: tiêu chí 3 tỉ lệ 25%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức độ 3: 4 tiêu chí: 2.4.5 tỉ lệ 75%
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức độ 3 (91 điểm);
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyên đổi số: Mức độ 3;

Nam Định, ngày 28 tháng 03 năm 2026



Trần Thị Tiên

Phần IV. PHỤ LỤC
Danh mục mã minh chứng

TC	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học				
	H1-01	- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 – 2026 (có lồng ghép nội dung ứng dụng công nghệ thông tin và CDS	- Số 61/QĐ-MNPH ngày 11/09/2025	Hiệu trưởng	
	H1-02	- Kế hoạch tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025 - 2026	- Số 14D/KH-MNPH ngày 13/03/2026	Hiệu trưởng	
2	Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:				
	H2-01	- Phần mềm Quản lý nhà trường - Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://vtsmas4.0.vn/	BGH, GV, NV	
	H2-02	Phần mềm quản lý Công chức, viên chức - Hợp đồng kinh tế thỏa thuận hợp tác theo quy định - Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://ccvcnamdinh.vnerp.vn/	BGH, GV, NV	

TC	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
	H2-03	Hệ thống thông tin phổ cập giáo dục - xóa mù chữ	https://pcgd.moet.gov.vn	PHT, GV	
	H2-04	Phần mềm quản lý thông tin tài sản, tài chính - Hợp đồng kinh tế thỏa thuận hợp tác theo quy định - Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://qltsapp.misa.vn/	Kế toán	
	H2-05	Quản lý văn bản điện tử trên hệ thống	qlvbdh.ninhbinh.gov.vn	BGH	
	H2-06	Tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn	Google Trang tính, Excel	Kế toán	
	H2-07	Hình ảnh, video, bài giảng		Giáo viên	
	H2-08	- Hình ảnh nhóm zalo của các nhóm lớp		Giáo viên	
	H2-09	- Cổng thông tin điện tử:	http://mnphuonghong.ninhbinh.edu.vn.	CB, GV, NV	
	H2-10	- Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục - Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://csdl.moet.gov.vn/	PHT, GV.	
	H2-11	- Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tỉnh Nam Định	https://dongbo.csdl.edu.vn/	PHT	

TC	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
	H5-01	Hình ảnh thiết bị nghe nhìn các nhóm/lớp		Giáo viên	
	H5-02	Hợp đồng Internet		Kế toán	
	H5-03	Hình ảnh thiết bị văn phòng		BGH	